



SO SÁNH NỘI DUNG
NQ 66.13/2026/NQ-CP & NĐ 46/2026/NĐ-CP
VỚI NĐ 15/2018/NĐ-CP
CỦA CHÍNH PHỦ

TS. Chu Quốc Thịnh

Q.Cục trưởng - Cục An toàn thực phẩm, Bộ Y tế

Bộ Y tế, ngày 02 tháng 02 năm 2026

NỘI DUNG CHÍNH

- 1. BỐ CỤC CÁC VĂN BẢN**
- 2. CÁC TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH MỚI**
- 3. CÁC THAY ĐỔI VỀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, TỪ NGỮ**
- 4. THAY ĐỔI QUY ĐỊNH LIÊN QUAN SẢN XUẤT THỰC PHẨM**
- 5. THAY ĐỔI QUY ĐỊNH LIÊN QUAN TIỀN KIỂM (TRƯỚC LƯU THÔNG)**
- 6. THAY ĐỔI QUY ĐỊNH LIÊN QUAN HẬU KIỂM (TRONG LƯU THÔNG)**
- 7. THAY ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM QLNN VỀ ATTP**
- 8. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN**



BỘ CỤC

NGHỊ ĐỊNH 46/2026/NĐ-CP

NGÀY 26/01/2026 CỦA CHÍNH PHỦ

11 Chương, 55 Điều

BỘ CỤC NGHỊ ĐỊNH 46/2026/NĐ-CP

▶ CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- Điều 2. Đối tượng áp dụng
- Điều 3. Giải thích từ ngữ

▶ CHƯƠNG II. ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY:

- Điều 4. Trường hợp đăng ký bản công bố hợp quy
- Điều 5. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký bản công bố hợp quy
- Điều 6. Thời hạn của bản công bố hợp quy
- Điều 7. Quy định đối với Giấy ủy quyền

BỘ CỤC NGHỊ ĐỊNH 46/2026/NĐ-CP

▶ CHƯƠNG III. BẢO ĐẢM ATTP TRONG MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP

▶ Mục 1. BẢO ĐẢM AN TOÀN ĐỐI VỚI THỰC PHẨM BIẾN ĐỔI GEN

- Điều 8. Bảo đảm an toàn đối với thực phẩm có thành phần từ sinh vật biến đổi gen và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen
- Điều 9. Ghi nhãn đối với hàng hóa chứa sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen sử dụng làm thực phẩm

▶ Mục 2. BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỐI VỚI SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN, SẢN PHẨM THỰC VẬT DÙNG LÀM THỰC PHẨM NHẬP KHẨU VÀ SẢN PHẨM THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG SANG TIÊU THỤ NỘI ĐỊA

- Điều 10. Điều kiện đối với sản phẩm động vật trên cạn, sản phẩm động vật thủy sản, sản phẩm thực vật dùng làm thực phẩm nhập khẩu và sản phẩm thực phẩm xuất khẩu chuyển mục đích sử dụng sang tiêu thụ nội địa
- Điều 11. Thủ tục hải quan đối với nguyên liệu, sản phẩm thực phẩm xuất khẩu chuyển mục đích sử dụng sang tiêu thụ nội địa

BỘ CỤC NGHỊ ĐỊNH 46/2026/NĐ-CP

▶ CHƯƠNG III. BẢO ĐẢM ATTP TRONG MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP (TIẾP)

▶ Mục 3. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG SẢN XUẤT THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE

- Điều 12. Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe
- Điều 13. Hồ sơ, trình tự, thẩm quyền cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu Thực hành sản xuất tốt (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe

▶ Mục 4. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG SẢN XUẤT THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE

- Điều 14. Quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với phụ gia thực phẩm
- Điều 15. Quy định về sử dụng phụ gia thực phẩm

BỘ CỤC NGHỊ ĐỊNH 46/2026/NĐ-CP

▶ CHƯƠNG IV. GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ATTP

- Điều 16. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
- Điều 17. Cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
- Điều 18. Thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

▶ CHƯƠNG V. KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU VÀ KIỂM TRA TRONG QUÁ TRÌNH LƯU THÔNG TRÊN THỊ TRƯỜNG

- Điều 19. Các trường hợp được miễn kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với một số thực phẩm nhập khẩu (trừ các trường hợp có cảnh báo về an toàn thực phẩm)
- Điều 20. Cơ quan kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu
- Điều 21. Phương thức kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm
- Điều 22. Áp dụng phương thức kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu
- Điều 23. Chuyển đổi giữa các phương thức kiểm tra

BỘ CỤC NGHỊ ĐỊNH 46/2026/NĐ-CP

▶ CHƯƠNG V. KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU VÀ KIỂM TRA TRONG QUÁ TRÌNH LƯU THÔNG TRÊN THỊ TRƯỜNG *(tiếp theo)*

- Điều 24. Hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu
- Điều 25. Trình tự kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu
- Điều 26. Xử lý thực phẩm không đạt yêu cầu thực phẩm nhập khẩu
- Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của chủ hàng hóa và tổ chức, cá nhân tiếp nhận viện trợ
- Điều 28. Thủ tục đăng ký quốc gia, vùng lãnh thổ và cơ sở sản xuất, kinh doanh vào danh sách xuất khẩu thực phẩm vào Việt Nam và kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm tại nước xuất khẩu
- Điều 29. Kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm xuất khẩu
- Điều 30. Kiểm tra trong quá trình lưu thông trên thị trường

BỘ CỤC NGHỊ ĐỊNH 46/2026/NĐ-CP

▶ CHƯƠNG VI. GHI NHÃN THỰC PHẨM

- Điều 31. Nội dung ghi nhãn bắt buộc
- Điều 32. Miễn một số nội dung ghi nhãn bắt buộc

▶ CHƯƠNG VII. QUẢNG CÁO THỰC PHẨM

- Điều 33. Các thực phẩm phải đăng ký nội dung trước khi quảng cáo
- Điều 34. Đăng ký nội dung quảng cáo thực phẩm

▶ CHƯƠNG VIII. KIỂM NGHIỆM THỰC PHẨM PHỤC VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

- Điều 35. Điều kiện đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước và cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng
- Điều 36. Hồ sơ đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước
- Điều 37. Trình tự, thủ tục chỉ định

BỘ CỤC NGHỊ ĐỊNH 46/2026/NĐ-CP

▶ CHƯƠNG VIII. KIỂM NGHIỆM THỰC PHẨM PHỤC VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

- Điều 38. Giao kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước và kiểm nghiệm kiểm chứng
- Điều 39. Cấp mã số cơ sở kiểm nghiệm
- Điều 40. Trách nhiệm của cơ quan chỉ định và cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước
- Điều 41. Các trường hợp hết hiệu lực một phần hoặc toàn bộ quyết định chỉ định

▶ CHƯƠNG IX. TRUY XUẤT NGUỒN GỐC THỰC PHẨM

- Điều 42. Truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm không bảo đảm an toàn
- Điều 43. Thực hiện việc truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm không bảo đảm an toàn

▶ CHƯƠNG X. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ATTP

- Điều 44. Nguyên tắc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm
- Điều 45. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Y tế
- Điều 46. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Nông nghiệp & Môi trường

BỔ CỤC NGHỊ ĐỊNH 46/2026/NĐ-CP

▶ CHƯƠNG X. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ATTP

- Điều 47. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Công Thương
- Điều 48. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Tài chính
- Điều 49. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Khoa học và Công nghệ
- Điều 50. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
- Điều 51. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
- Điều 52. Phối hợp trong hoạt động bảo đảm an toàn thực phẩm

▶ CHƯƠNG XI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- Điều 53. Điều khoản thi hành
- Điều 54. Điều khoản chuyển tiếp
- Điều 55. Trách nhiệm thi hành



BỘ CỤC

NGHỊ QUYẾT 66.13/2026/NQ-CP

NGÀY 27/01/2026 CỦA CHÍNH PHỦ

4 Chương, 16 Điều

BỘ CỤC NGHỊ QUYẾT 66.13/2026/NQ-CP

▶ CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- Điều 2. Đối tượng áp dụng
- Điều 3. Giải thích từ ngữ
- Điều 4. Áp dụng pháp luật

▶ CHƯƠNG II. THỦ TỤC CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

- Điều 5. Trường hợp công bố tiêu chuẩn áp dụng
- Điều 6. Hồ sơ, trình tự công bố tiêu chuẩn áp dụng

BỘ CỤC NGHỊ QUYẾT 66.13/2026/NQ-CP

▶ CHƯƠNG III. THỦ TỤC CẤP GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

- Điều 7. Trường hợp đăng ký bản công bố sản phẩm
- Điều 8. Hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm đối với sản phẩm thực phẩm nhập khẩu
- Điều 9. Hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm đối với sản phẩm thực phẩm sản xuất trong nước
- Điều 10. Trình tự đăng ký bản công bố sản phẩm
- Điều 11. Quy định đối với Giấy ủy quyền
- Điều 12. Thu hồi Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm và gỡ bỏ thông tin sản phẩm đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ công bố sản phẩm
- Điều 13. Tạm dừng tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm

BỘ CỤC NGHỊ QUYẾT 66.13/2026/NQ-CP

▶ CHƯƠNG IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- Điều 14. Điều khoản thi hành
- Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp
- Điều 16. Trách nhiệm thi hành



TÁC ĐỘNG NGHỊ ĐỊNH VÀ NGHỊ QUYẾT MỚI

CẮT GIẢM ĐƠN GIẢN HOÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

- ▶ Đơn giản hoá, cắt giảm các thủ tục liên quan đến quảng cáo, chỉ định đơn vị kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ QLNN, kiểm tra nhà nước về ATTP nhập khẩu...
- ▶ Nội dung quảng cáo thực phẩm: đã cắt giảm được 2 thủ tục hành chính, chiếm 10,5% trên tổng số thủ tục hành chính và giảm được 20% lượng thời gian giải quyết thủ tục hành chính xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm.
- ▶ Hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế: đã cắt giảm được 60% thủ tục hành chính và đơn giản hoá 40% thủ tục hành chính, giảm 33,33% lượng thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

TĂNG CƯỜNG PHÂN CẤP PHÂN QUYỀN

	Y tế	Nông nghiệp & Môi trường	Công thương	Tổng TTHC
Nghị định số 15/2018/NĐ-CP	4/19	1/12	0/8	5/39
Nghị định số 148/2025/NĐ-CP	8/19	8/12	8/8	24/39
NQ & NĐ MỚI	15/19	8/12	8/8	31/39

SIẾT CHẶT QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ATTP

Hậu kiểm:

- Kiểm tra định kỳ
- Kiểm tra chuyên ngành
- Kiểm tra đột xuất
- Lấy mẫu giám sát thị trường
- Thu hồi các thủ tục hành chính
- Rà soát các QCKT, TCVN
- Trách nhiệm của UBND tỉnh và cơ quan tiếp nhận hồ sơ

Điều kiện sản xuất tiên tiến

Đăng ký bản CB SP

Khâu sản xuất

Trước khi lưu hành

Quá trình lưu hành

GMP cho TP BVSK



Bổ sung:
Công bố TC áp dụng
Công bố hợp quy

TMĐT & MXH:
Công khai hồ sơ đăng ký,
hồ sơ quảng cáo; giám sát
quảng cáo...

Điều kiện an toàn:
bảo quản, hệ thống chất
lượng, tài liệu chuyên
môn kỹ thuật và nhân sự



THAY ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

THAY ĐỔI VỀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

- 1 -

NĐ 15/2018/NĐ-CP	NQ 66.13/2026/NQ-CP & NĐ 46/2026/NĐ-CP
Quy định chỉ liệt kê các thủ tục, nội dung quản lý liên quan đến ATTP	Phân tách rõ Nội dung quy định chi tiết và Nội dung hướng dẫn thi hành , gắn chặt với điều, khoản cụ thể của Luật ATTP
Công bố sản phẩm - Chỉ liệt kê thủ tục tự công bố sản phẩm và đăng ký bản công bố sản phẩm.	Công bố sản phẩm - Quy định chi tiết đăng ký <u>công bố tiêu chuẩn áp dụng</u> đối với thực phẩm; đăng ký bản công bố thực phẩm; đăng ký bản <u>công bố hợp quy</u> , xác định rõ nhóm sản phẩm phải thực hiện
Thực phẩm biến đổi gen - Bảo đảm an toàn thực phẩm biến đổi gen	Thực phẩm biến đổi gen - Quy định rõ bảo đảm an toàn cho sức khỏe <u>con người và môi trường</u> ; đồng thời quy định <u>ghi nhãn</u> thực phẩm biến đổi gen và mức tỷ lệ phải ghi nhãn
Đủ điều kiện ATTP - Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.	Đủ điều kiện ATTP - Quy định chi tiết đối tượng <u>không thuộc diện cấp</u> - Hướng dẫn <u>thi hành điều kiện</u> bảo đảm ATTP trong SX-KD thực phẩm - Hướng dẫn <u>trình tự cấp và thu hồi</u> Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP
Thực phẩm nhập khẩu - Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu, xuất khẩu.	Thực phẩm nhập khẩu - <u>Chi tiết điều kiện</u> ATTP đối với thực phẩm nhập khẩu (CFS/HC) - <u>Miễn kiểm tra</u> nhà nước - Kiểm tra tại nước xuất khẩu theo <u>điều ước quốc tế</u> - Quy định đầy đủ <u>trình tự, thủ tục, phương thức</u> kiểm tra nhà nước

THAY ĐỔI VỀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

- 2 -

NĐ 15/2018/NĐ-CP	NQ 66.13/2026/NQ-CP & NĐ 46/2026/NĐ-CP
Ghi nhãn, quảng cáo thực phẩm - Ghi nhãn thực phẩm. - Quảng cáo thực phẩm.	Ghi nhãn, quảng cáo thực phẩm - Ghi nhãn thực phẩm, <u>thời hạn sử dụng</u> thực phẩm; quy định cụ thể thực phẩm <u>biến đổi gen</u> phải ghi nhãn, mức tỷ lệ thành phần thực phẩm có gen biến đổi phải ghi nhãn quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật An toàn thực phẩm. - Hướng dẫn thi hành về quảng cáo, ghi nhãn thực phẩm <u>quy định tại Chương VII Luật An toàn thực phẩm</u>
Thực phẩm bảo vệ sức khỏe (BVSK) - Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong <u>sản xuất</u> thực phẩm BVSK	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe - Bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, <u>kinh doanh, bảo quản</u> thực phẩm BVSK quy định tại Điều 19, 20 Luật An toàn thực phẩm
Phụ gia thực phẩm (PGTP) - Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong <u>sản xuất, kinh doanh</u> và sử dụng phụ gia thực phẩm.	Phụ gia thực phẩm - Bảo đảm an toàn thực phẩm trong <u>kinh doanh và sử dụng</u> phụ gia thực phẩm quy định tại Điều 22 Luật An toàn thực phẩm;
Truy xuất nguồn gốc - Truy xuất nguồn gốc thực phẩm.	Truy xuất nguồn gốc - <u>Hướng dẫn thi hành</u> truy xuất nguồn gốc theo Chương VIII Luật ATTP
Kiểm nghiệm thực phẩm - <u>Không quy định rõ</u> trong phạm vi điều chỉnh.	Kiểm nghiệm thực phẩm - <u>Bổ sung</u> kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước mục 1 Chương VIII Luật An toàn thực phẩm



THAY ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ GIẢI THÍCH TỪ' NGỮ'

THAY ĐỔI VỀ GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

NĐ 15/2018/NĐ-CP	NQ 66.13/2026/NQ-CP & NĐ 46/2026/NĐ-CP
Chưa giải thích	Thực phẩm chức năng Giải thích rõ, bao gồm 4 nhóm (TP BVSK, thực phẩm dinh dưỡng y học, TP dùng cho chế độ ăn đặc biệt, TP bổ sung)
Thực phẩm bảo vệ sức khỏe	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Bổ sung tên gọi tiếng Anh “ <i>Food Supplement</i> ”
Thực phẩm dinh dưỡng y học Sử dụng dưới sự giám sát của nhân viên y tế	Thực phẩm dinh dưỡng y học Sử dụng theo hướng dẫn của cơ sở sản xuất
TP dùng cho chế độ ăn đặc biệt <u>Dùng cho người ăn kiêng, người già và các đối tượng đặc biệt khác theo quy định của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (CODEX)</u> là những thực phẩm được chế biến hoặc được phối trộn theo công thức đặc biệt nhằm đáp ứng các yêu cầu về chế độ ăn đặc thù theo thể trạng hoặc theo tình trạng bệnh lý và các rối loạn cụ thể của người sử dụng. Thành phần của thực phẩm này phải khác biệt rõ rệt với thành phần của những thực phẩm thông thường cùng bản chất, nếu có.	TP dùng cho chế độ ăn đặc biệt Là những thực phẩm được chế biến hoặc được phối trộn theo công thức đặc biệt nhằm đáp ứng các yêu cầu về chế độ ăn đặc thù theo thể trạng hoặc theo tình trạng bệnh lý và các rối loạn cụ thể của người sử dụng hoặc <u>tăng cường, cải thiện các chức năng của cơ thể con người, giảm nguy cơ mắc bệnh nhưng không thuộc nhóm thực phẩm bảo vệ sức khỏe</u> . Thành phần của thực phẩm này phải khác biệt rõ rệt với thành phần của những thực phẩm thông thường cùng bản chất, nếu có.

THAY ĐỔI VỀ GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

- 2 -

NĐ 15/2018/NĐ-CP

Chưa giải thích

Chủ hàng

Là tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa trong các hồ sơ công bố/tự công bố sản phẩm hoặc tổ chức, cá nhân được ủy quyền thực hiện việc nhập khẩu, xuất khẩu sản phẩm thực phẩm

Mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu

Là các sản phẩm thực phẩm cùng loại, cùng tên, nhãn hàng hóa, cơ sở sản xuất hàng hóa, chất liệu bao bì

NQ 66.13/2026/NQ-CP & NĐ 46/2026/NĐ-CP

Thực phẩm bổ sung

Thực phẩm bổ sung (Supplemented Food) là thực phẩm được bổ sung vi chất và các yếu tố có lợi cho sức khỏe như vitamin, khoáng chất, axit amin, axit béo, enzym, probiotic, prebiotic và chất có hoạt tính sinh học khác nhưng không thuộc một trong ba nhóm sản phẩm TP BVSK, TP DDYH và TP dùng cho chế độ ăn đặc biệt.

Chủ hàng hóa

Là tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu hàng hóa theo quy định của pháp luật

Để phù hợp với thuật ngữ “chủ hàng hóa” theo Luật Hải quan khi thực hiện xuất nhập khẩu và phù hợp với thực tiễn các loại hình kinh doanh hiện nay tại Việt Nam

Mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu

Là các sản phẩm cùng loại, cùng tên, nhãn hàng hóa, cơ sở sản xuất hàng hóa, chất liệu bao bì

Trong Nghị định này, cụm từ “mặt hàng” là bao gồm: thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm

THAY ĐỔI VỀ GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

- 3 -

NĐ 15/2018/NĐ-CP

Lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu

Là toàn bộ sản phẩm thực phẩm của một chuyến hàng nhập khẩu hoặc xuất khẩu (có cùng số vận đơn). Lô hàng có thể chỉ có một mặt hàng hoặc nhiều mặt hàng.

Cơ sở SX ban đầu nhỏ lẻ

Là cơ sở trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác các nguyên liệu thực phẩm ở quy mô hộ gia đình, hộ cá thể có hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Cơ sở sơ chế nhỏ lẻ

Là cơ sở sơ chế thực phẩm ở quy mô hộ gia đình, hộ cá thể có hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

NQ 66.13/2026/NQ-CP & NĐ 46/2026/NĐ-CP

Lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu

Lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu là chuyến hàng nhập khẩu hoặc xuất khẩu (có cùng số vận đơn) của một mặt hàng hoặc nhiều mặt hàng.

Cơ sở SX ban đầu nhỏ lẻ

Là cơ sở trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác ở quy mô hộ gia đình, hộ cá thể và không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận khác (hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) theo quy định của pháp luật về ĐKKD

Cơ sở sơ chế nhỏ lẻ

Là cơ sở sơ chế thực phẩm ở quy mô hộ gia đình, hộ cá thể và không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận khác (hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh

THAY ĐỔI VỀ GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

- 4 -

NĐ 15/2018/NĐ-CP

Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ

Là cơ sở do cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình thực hiện đăng ký hộ kinh doanh và cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật

Chưa giải thích

Chưa giải thích

NQ 66.13/2026/NQ-CP & NĐ 46/2026/NĐ-CP

Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ

Là cơ sở do cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình kinh doanh thực phẩm và không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận khác (hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh

Chủ sở hữu sản phẩm thực phẩm

Là tổ chức, cá nhân sở hữu công thức, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn hoặc nhãn hiệu sản phẩm thực phẩm hoặc được cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ hoặc nước xuất khẩu xác nhận.

Tổ chức/cá nhân đưa sản phẩm ra thị trường

Là cơ sở sản xuất hoặc chủ sở hữu sản phẩm thực phẩm hoặc tổ chức, cá nhân được cơ sở sản xuất hoặc chủ sở hữu sản phẩm thực phẩm ủy quyền đứng tên trên hồ sơ công bố sản phẩm

THAY ĐỔI VỀ GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

- 5 -

NĐ 15/2018/NĐ-CP

NQ 66.13/2026/NQ-CP & NĐ 46/2026/NĐ-CP

Chưa giải thích

Hệ thống quản lý chất lượng cơ sở kiểm nghiệm

Bao gồm hệ thống tài liệu quản lý, kỹ thuật và các hồ sơ liên quan đến hoạt động kiểm nghiệm như: nhân sự, trang thiết bị, cơ sở vật chất, phương pháp kiểm nghiệm bảo đảm chất lượng, chính xác, minh bạch kết quả kiểm nghiệm.

Chưa giải thích

So sánh liên phòng

Là việc tổ chức, thực hiện và đánh giá các phương pháp kiểm nghiệm trên cùng đối tượng hoặc trên đối tượng tương tự nhau bởi hai hay nhiều cơ sở kiểm nghiệm hoặc thử nghiệm theo những điều kiện định trước.

Chưa giải thích

Thử nghiệm thành thạo

Là việc đánh giá việc thực hiện của các bên tham gia theo tiêu chí đã được thiết lập thông qua so sánh liên phòng

Bằng chứng khoa học

Các thông tin, tài liệu khoa học từ các công trình nghiên cứu khoa học được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về nghiên cứu khoa học nghiệm thu hoặc được các tạp chí khoa học trong, ngoài nước công bố hoặc tài liệu về y học cổ truyền, cây thuốc, vị thuốc được công bố trên các ấn bản khoa học

Bằng chứng khoa học

Các thông tin khoa học, dữ liệu khoa học, tài liệu khoa học chứng minh cho công bố về công dụng, tác dụng đối với sức khỏe của sản phẩm hoặc thành phần của sản phẩm từ các công trình nghiên cứu khoa học được các tạp chí quốc gia, quốc tế, tạp chí ISI (Institute of Scientific Information), SCOPUS có uy tín công bố; hoặc tài liệu về y học cổ truyền, cây thuốc, vị thuốc, tài liệu y học, dược học, thực phẩm được xuất bản, công bố trên các ấn phẩm khoa học.



Input

Farm

Processing

Distribution

Retail

Consumer

Seeds
Pesticides
Agbiotech
Traits
Fertilizers

Farmers
Ranchers
Fishermen

Aggregators
Processors
Manufacturers
Beverages

Distributors
Importers
Exporters

Retailers
Supermarkets
Restaurants

Consumers



THAY ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ SẢN XUẤT

ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM

NĐ 15/2018/NĐ-CP	NĐ 46/2026/NĐ-CP
Chưa quy định Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, Công thương	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, Công thương thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, khoản 3 Điều 6 Nghị định số 67/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế được sửa đổi, bổ sung năm 2018) (K3, Điều 16)
Miễn đăng ký đủ ĐKATTP: Kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn (Điểm đ khoản 1 Điều 12)	Miễn đăng ký đủ ĐKATTP: Kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, vi chất dinh dưỡng (Đ.đ, K1, Điều 17)
Chưa quy định thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP	Thu hồi giấy chứng nhận đủ ĐKATTP (Điều 18) Thẩm quyền thu hồi: - Cơ quan cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP, GMP và tương đương - Cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm HC Các trường hợp thu hồi: - Vi phạm các nội dung tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h khoản 2 Điều 18 của NĐ 46/2026/NĐ-CP, hoặc theo đề nghị của tổ chức, cá nhân có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM

NĐ 15/2018/NĐ-CP	NĐ 46/2026/NĐ-CP
Chưa quy định	Nâng cao điều kiện của các cơ sở sản xuất thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, thực phẩm bổ sung, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi: Phải áp dụng Giấy chứng nhận Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP) hoặc Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000 hoặc Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS) hoặc Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC) hoặc Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc chứng nhận tương đương hoặc Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu Thực hành sản xuất tốt (GMP) trong hoạt động sản xuất, kinh doanh kể từ ngày 31/12/2026

Duy trì yêu cầu tiêu chuẩn GMP cho cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe



THAY ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ TIỀN KIỂM (TRƯỚC LƯU THÔNG)

ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ HỢP QUY

NĐ 15/2018/NĐ-CP	NĐ 46/2026/NĐ-CP
Chưa quy định	Tổ chức, cá nhân đăng ký bản công bố hợp quy đối với thực phẩm có quy chuẩn kỹ thuật về chỉ tiêu chất lượng, chỉ tiêu an toàn (Điều 4): 1. Thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn; 2. Phụ gia thực phẩm; 3. Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; 4. Dụng cụ chứa đựng, tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm; 5. Bao bì chứa đựng, tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. Hồ sơ đăng ký công bố hợp quy (Điều 5): - Bản công bố hợp quy theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định - Kết quả chứng nhận hợp quy - <u>Giấy ủy quyền đứng tên Bản công bố tiêu chuẩn áp dụng</u> của cơ sở sản xuất hoặc chủ sở hữu sản phẩm thực phẩm. Nếu không phải các cơ sở trên, thì phải có giấy ủy quyền, có chữ ký của cả cơ sở sản xuất và chủ sở hữu sản phẩm và đơn vị được ủy quyền. Đơn vị được ủy quyền sẽ chịu trách nhiệm liên đới trong trường hợp sản phẩm vi phạm chất lượng, an toàn thực phẩm gây hậu quả (Đ.c, K1, Điều 5) Trình tự đăng ký (K2, Điều 5): - Bằng hình thức trực tuyến (<u>qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh</u>) hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. - Trong thời hạn 10 ngày và công khai hồ sơ đăng ký bản công bố hợp quy còn hiệu lực của sản phẩm khi thực hiện kinh doanh sản phẩm trên nền tảng thương mại điện tử tại Việt Nam. Thời hạn: Theo giá trị hiệu lực của Kết quả chứng nhận hợp quy và không quá 03 năm (K1, Điều 6) Đăng ký lại bản CBHQ mới: Khi trong quá trình kinh doanh nếu quy chuẩn có sự thay đổi (K2, Điều 6)

ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

NĐ 15/2018/NĐ-CP	NQ 66.13/2026/NQ-CP
Trường hợp Tự công bố SP: - Thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ chứa đựng thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.	Trường hợp công bố tiêu chuẩn áp dụng (K1, Điều 5) - Thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, <u>bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm không có quy chuẩn kỹ thuật cho toàn bộ sản phẩm hoặc chưa có tổ chức thực hiện chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật hoặc chưa có phương thức đánh giá sự phù hợp;</u> - Vi chất dinh dưỡng; - Thực phẩm bổ sung chỉ chứa vitamin, khoáng chất và không công bố khuyến cáo về sức khỏe (Health claims).
Trường hợp miễn tự công bố: - Sản phẩm, nguyên liệu sản xuất, nhập khẩu chỉ dùng để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu - Sản phẩm phục vụ cho việc sản xuất nội bộ của tổ chức, cá nhân không tiêu thụ tại thị trường trong nước.	Trường hợp miễn công bố tiêu chuẩn áp dụng (K2, Điều 5): - Sản phẩm, nguyên liệu sản xuất <u>trong nước hoặc nhập khẩu</u> chỉ dùng để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu; - Sản phẩm, <u>nguyên liệu sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu (sản phẩm ban đầu)</u> chỉ dùng để phục vụ cho việc sản xuất nội bộ của tổ chức, cá nhân và không tiêu thụ sản phẩm ban đầu tại thị trường trong nước; - Sản phẩm, nguyên liệu sản xuất nhập khẩu chỉ dùng để phục vụ viện trợ; - Sản phẩm, nguyên liệu sản xuất nhập khẩu chỉ dùng để kiểm nghiệm phục vụ việc công bố sản phẩm; - Sản phẩm, nguyên liệu sản xuất nhập khẩu chỉ dùng để NCKH

ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

NĐ 15/2018/NĐ-CP	NQ 66.13/2026/NQ-CP
Hồ sơ tự công bố sản phẩm: Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm: - Trong thời hạn 12 tháng - Cấp bởi Phòng kiểm nghiệm ISO 17025 - Gồm các chỉ tiêu an toàn	<u>Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng (Điều 6):</u> Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm: - Theo mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo NQ 66.13/2026/NQ-CP - <u>Phải</u> trong thời hạn 12 tháng - Cấp bởi Tổ chức thử nghiệm được công nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 - Bao gồm các chỉ tiêu an toàn và các chỉ tiêu chất lượng
Tổ chức, cá nhân được quyền sản xuất, kinh doanh sản phẩm và chịu trách nhiệm hoàn toàn về an toàn của sản phẩm đó	Giấy ủy quyền đứng tên Bản công bố tiêu chuẩn áp dụng của cơ sở sản xuất hoặc chủ sở hữu sản phẩm thực phẩm (Đ.c, K1, Điều 6) Nếu không phải các cơ sở trên, thì phải có giấy ủy quyền, có chữ ký của cả cơ sở sản xuất và chủ sở hữu sản phẩm và đơn vị được ủy quyền <u>Đơn vị được ủy quyền sẽ chịu trách nhiệm liên đới trong trường hợp sản phẩm vi phạm chất lượng, an toàn thực phẩm gây hậu quả</u>
Dịch công chứng tài liệu bằng tất cả các ngôn ngữ nước ngoài sang tiếng Việt Trường hợp nhãn sản phẩm được thể hiện bằng nhiều thứ tiếng khác nhau nhưng không có tiếng Anh thì chỉ dịch tiếng của nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu	Dịch công chứng tài liệu các ngôn ngữ nước ngoài không phải bằng tiếng Anh và được chứng thực chữ ký người dịch. <u>Trường hợp không thể dịch thuật sang tiếng Việt và chứng thực thì tổ chức, cá nhân phải nộp bản dịch sang tiếng Anh và được chứng thực chữ ký người dịch tại nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu (K3, Điều 6)</u>
Chưa quy định công khai Bản tự công bố sản phẩm trên thương mại điện tử	Công khai trên thương mại điện tử: Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm có trách nhiệm công khai hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của sản phẩm thực phẩm khi thực hiện kinh doanh sản phẩm trên nền tảng thương mại điện tử tại Việt Nam. (K5, Điều 6)

ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

NĐ 15/2018/NĐ-CP	NQ 66.13/2026/NQ-CP
Chưa quy định	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng có trách nhiệm xây dựng và triển khai kế hoạch hậu kiểm hồ sơ sau khi tổ chức, cá nhân tiến hành công bố, trường hợp phát hiện hồ sơ công bố không đúng quy định thì xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở nguồn kinh phí được giao tại địa phương, hằng năm, cơ quan tiếp nhận, xây dựng kế hoạch kiểm tra, bố trí kinh phí lấy mẫu giám sát các chỉ tiêu chất lượng và an toàn đối với sản phẩm công bố lưu thông trên thị trường tập trung các nhóm sản phẩm sử dụng cho các đối tượng có nguy cơ cao là trẻ em, người già, phụ nữ mang thai, người bệnh. Trên cơ sở kết quả giám sát, tiến hành hậu kiểm tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, trường hợp phát hiện vi phạm xử lý theo quy định của pháp luật (Đ.c, K2, Điều 16)

ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

NĐ 15/2018/NĐ-CP

Điều 6. Đăng ký bản công bố sản phẩm
Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải đăng ký bản công bố sản phẩm đối với các sản phẩm sau đây:

- 1. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt.
- 2. Sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.
- 3. ~~Phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới, phụ gia thực phẩm không thuộc trong danh mục phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm hoặc không đúng đối tượng sử dụng do Bộ Y tế quy định.~~

Bãi bỏ

NQ 66.13/2026/NQ-CP

Điều 7. Trường hợp đăng ký bản công bố sản phẩm
1. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường phải đăng ký bản công bố sản phẩm đối với các sản phẩm sau đây:

- a) Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, **thực phẩm bổ sung** (trừ thực phẩm bổ sung chỉ chứa vitamin, khoáng chất và không có công bố khuyến cáo về sức khỏe - Health claims);
- b) Sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.

2. Sản phẩm nhập khẩu được miễn thực hiện thủ tục ĐK CBSP:

- a) Phục vụ viện trợ;
- b) Chỉ dùng để kiểm nghiệm phục vụ việc công bố sản phẩm;
- c) Chỉ dùng để nghiên cứu khoa học.

Bổ sung

ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

NĐ 15/2018/NĐ-CP	NQ 66.13/2026/NQ-CP
Cấp Trung ương: - Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, - Phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới, - Phụ gia thực phẩm chưa có trong danh mục phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định Cấp tỉnh: - Thực phẩm dinh dưỡng y học, - Thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, - Sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Cấp Trung ương: - Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, Cấp tỉnh: - Thực phẩm dinh dưỡng y học - Thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt - Sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi - Thực phẩm bổ sung (trừ TPBS chỉ chứa vitamin, khoáng chất và không có công bố khuyến cáo về sức khỏe) (Đ.a,b, K1, Điều 10)
Nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ	Nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ
Thời gian thẩm định hồ sơ: 07 ngày Thời gian để sửa đổi bổ sung hồ sơ: 90 ngày Không được gia hạn	Thời gian thẩm định hồ sơ: 90 ngày (K2, Điều 10) Thời gian để sửa đổi bổ sung hồ sơ: 60 ngày , <u>trong 20 ngày đầu</u> được đề nghị gia hạn lên 120 ngày (K3, Điều 10)
Cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ được yêu cầu sửa đổi, bổ sung 01 lần đối với mỗi hồ sơ	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ được yêu cầu sửa đổi, bổ sung 02 lần đối với mỗi hồ sơ (K3, Điều 10)
Chưa quy định	Thành lập các tiểu ban chuyên môn để thẩm định và cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm Trường hợp cần thiết, cơ quan tiếp nhận thành lập Hội đồng tư vấn cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm và không tham gia thẩm định trực tiếp hồ sơ CB (K2, Điều 10)

ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

NĐ 15/2018/NĐ-CP

NQ 66.13/2026/NQ-CP

Hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu

Hồ sơ đăng ký bản công bố trong nước
Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm:

- Trong thời hạn 12 tháng
- Cấp bởi Phòng kiểm nghiệm ISO 17025
- Gồm các chỉ tiêu an toàn

Bảng chứng khoa học chứng minh công dụng của sản phẩm hoặc của thành phần tạo nên công dụng đã công bố.

Chưa quy định công khai Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm trên thương mại điện tử

Hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm

Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm:

- Theo mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết
- Phải trong thời hạn 12 tháng
- Cấp bởi Tổ chức thử nghiệm tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 hoặc Phòng kiểm nghiệm của cơ sở sản xuất đạt GMP
- Bao gồm các chỉ tiêu an toàn và các chỉ tiêu chất lượng

Tài liệu chứng minh công dụng, tác dụng của sản phẩm dưới một trong các hình thức:

- Bảng chứng khoa học chứng minh công dụng, tác dụng.
- Báo cáo thử nghiệm hiệu quả về công dụng

Công khai trên thương mại điện tử: Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm có trách nhiệm công khai Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm khi thực hiện kinh doanh sản phẩm trên nền tảng thương mại điện tử tại Việt Nam

ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

NĐ 15/2018/NĐ-CP	NQ 66.13/2026/NQ-CP
Chưa quy định thu hồi giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm và gỡ bỏ thông tin sản phẩm trên trang thông tin điện tử của cơ quan QLNN	Thu hồi Giấy tiếp nhận đăng ký bản CBSP và gỡ bỏ thông tin sản phẩm sau 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông tin hoặc phát hiện vi phạm. Đình chỉ lưu hành và thu hồi sản phẩm đang lưu thông với một số trường hợp (<u>điểm a, b, e, i khoản 1 Điều 12</u>)
Chưa quy định tạm dừng tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm	Quy định tạm dừng tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm trong những trường hợp quy định tại <u>điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết</u> Sau khi khắc phục đầy đủ các vi phạm và có báo cáo, sẽ tiếp tục xem xét, tiếp nhận hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm (K2, Điều 13)
Chưa quy định	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm cung cấp phương pháp kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn và chỉ tiêu chất lượng sản phẩm của cơ sở sản xuất cho các cơ sở kiểm nghiệm được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm để triển khai lấy mẫu giám sát chất lượng trên thị trường (Đ.b, K1, Điều 16 và Đ.a, K2, Điều 16)

KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ ATTP NHẬP KHẨU

NĐ 15/2018/NĐ-CP

Miễn kiểm tra nhà nước về ATTP nhập khẩu:

- ~~1. Sản phẩm đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm.~~
- ~~2. Sản phẩm mang theo người nhập cảnh, gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi của người nhập cảnh để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hoặc mục đích chuyến đi;~~ quà biếu, quà tặng trong định mức miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế.
3. Sản phẩm nhập khẩu dùng cho cá nhân của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao.
4. Sản phẩm quá cảnh, chuyển khẩu, trung chuyển, tạm nhập, tái xuất, gửi kho ngoại quan.
5. Sản phẩm là mẫu thử nghiệm hoặc nghiên cứu có số lượng phù hợp với mục đích thử nghiệm hoặc nghiên cứu có xác nhận của tổ chức, cá nhân.
6. Sản phẩm sử dụng để trưng bày hội chợ, triển lãm.
- ~~7. Sản phẩm, nguyên liệu sản xuất, nhập khẩu chỉ dùng để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu hoặc phục vụ cho việc sản xuất nội bộ của tổ chức, cá nhân không tiêu thụ tại thị trường trong nước.~~
8. Sản phẩm tạm NK để bán tại cửa hàng miễn thuế.
- ~~9. Hàng hóa nhập khẩu phục vụ yêu cầu khẩn cấp theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.~~

NĐ 46/2026/NĐ-CP

Miễn kiểm tra nhà nước về ATTP nhập khẩu (Điều 19):

1. Sản phẩm là quà biếu, quà tặng trong định mức miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế.
2. Sản phẩm nhập khẩu dùng cho cá nhân của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao.
3. Sản phẩm quá cảnh, chuyển khẩu, trung chuyển, tạm nhập, tái xuất, gửi kho ngoại quan.
4. Sản phẩm là mẫu thử nghiệm hoặc nghiên cứu có số lượng phù hợp với mục đích thử nghiệm hoặc nghiên cứu có xác nhận của tổ chức, cá nhân.
5. Sản phẩm sử dụng để trưng bày hội chợ, triển lãm.
6. Sản phẩm tạm nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế.
7. Hàng hóa nhập khẩu phục vụ yêu cầu khẩn cấp theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
- 8. Sản phẩm, nguyên liệu nhập khẩu chỉ dùng để gia công, sản xuất hàng xuất khẩu.**
- 9. Hàng hóa chuyên dùng phục vụ an ninh, quốc phòng theo văn bản xác nhận của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an.**
- 10. Hàng hóa thuộc Danh mục hàng hoá mua bán, trao đổi của cư dân biên giới và trong định mức miễn thuế theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu để phục vụ cho sản xuất, tiêu dùng của cư dân biên giới (trừ trường hợp mua gom).**

KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ ATTP NHẬP KHẨU

NĐ 15/2018/NĐ-CP

Cơ quan kiểm tra nhà nước đối với TPNK:

Cơ quan kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu là cơ quan được ~~Bộ Y tế~~, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc ~~Bộ Công Thương~~ giao hoặc chỉ định.

Cơ quan kiểm tra nhà nước do BNN, BCT, BYT giao hoặc chỉ định

Phạm vi kiểm tra: Chỉ nêu chung “thực phẩm nhập khẩu

NĐ 46/2026/NĐ-CP

Cơ quan kiểm tra nhà nước đối với TPNK (Điều 20):

Cơ quan kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật An toàn thực phẩm là cơ quan quản lý nhà nước được **Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp giao nhiệm vụ kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm**

Cơ quan kiểm tra nhà nước về ATTP (K5, Điều 54):

- Đến 31/3/2026, cơ quan kiểm tra nhà nước do BNN, BCT, BYT giao hoặc chỉ định
- Từ 1/4/2026, cơ quan quản lý nhà nước được Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp giao nhiệm vụ kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm

Phạm vi kiểm tra: Mở rộng rõ thực phẩm, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến, bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với TP nhập khẩu

Quy định phương thức kiểm tra nhà nước và chuyển đổi giữa các phương thức kiểm tra, hồ sơ thủ tục kiểm tra đối với sản phẩm thực phẩm nhập khẩu dựa trên nguy cơ

A. QUY ĐỊNH PHƯƠNG THỨC KIỂM TRA THEO MỨC ĐỘ



B. PHƯƠNG THỨC KIỂM TRA ĐỐI VỚI THỰC PHẨM NHẬP KHẨU



Về chuyển đổi phương thức kiểm tra từ kiểm tra thông thường sang kiểm tra giảm, kiểm tra chặt sang kiểm tra thông thường:
KHÔNG THAY ĐỔI SO VỚI QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 15/2018/NĐ-CP

HÀNG HOÁ VIỆN TRỢ

NĐ 15/2018/NĐ-CP

Được áp dụng phương thức kiểm tra giảm đối với lô hàng, mặt hàng nhập khẩu thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này.

Chưa quy định cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận viện trợ

NĐ 46/2026/NĐ-CP

Chủ hàng hóa phải đề nghị:

- Đề nghị cơ quan kiểm tra nhà nước **áp dụng phương thức kiểm tra đối với mặt hàng nhập khẩu** theo một trong các trường hợp quy định tại Điều 21 Nghị định
- Đề nghị cơ quan kiểm tra nhà nước **chuyển đổi phương thức kiểm tra** đối với mặt hàng nhập khẩu theo quy định tại Điều 22 Nghị định.
- Đề nghị cơ quan kiểm tra nhà nước **xem xét lại kết quả kiểm tra mặt hàng nhập khẩu**. Trường hợp kết quả kiểm tra lại phù hợp với kết quả kiểm tra lần đầu thì chủ hàng hóa phải chịu chi phí cho việc kiểm tra lại; trường hợp kết quả kiểm tra lại đạt yêu cầu thực phẩm nhập khẩu thì được trả lại chi phí kiểm tra lại đã nộp.
- **Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý, tính chính xác của hồ sơ đăng ký kiểm tra**

Tổ chức, cá nhân tiếp nhận viện trợ:

- Có trách nhiệm **đề nghị cơ quan kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu lấy mẫu, kiểm tra các nội dung ghi nhãn, kiểm nghiệm** các chỉ tiêu an toàn thực phẩm.
- **Chỉ được tiếp nhận lô hàng sau khi có kết luận phù hợp** về các chỉ tiêu an toàn thực phẩm và các nội dung ghi nhãn của cơ quan kiểm tra nhà nước và phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bảo quản, hướng dẫn sử dụng sản phẩm theo khuyến cáo của nhà sản xuất ghi trên nhãn sản phẩm. Việc sử dụng hàng viện trợ phải đúng mục đích, đối tượng.



Seeds
Pesticides
Agbiotech
Traits
Fertilizers

Farmers
Ranchers
Fishermen

Aggregators
Processors
Manufacturers
Beverages

Distributors
Importers
Exporters

Retailers
Supermarkets
Restaurants

Consumers



THAY ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ HẠU KIỂM (TRONG LƯU THÔNG)

KIỂM NGHIỆM TP PHỤC VỤ QLNN

NĐ 15/2018/NĐ-CP

NĐ 46/2026/NĐ-CP

Chưa quy định (trước đây theo quy định TTLT 20)

Quy định chi tiết về:

- Điều kiện đối với CSKN thực phẩm phục vụ QLNN và CSKN kiểm chứng (Điều 35)
- Hồ sơ, trình tự thủ tục đăng ký chỉ định CSKN thực phẩm phục vụ QLNN (Điều 36, 37)
- **Giao kiểm nghiệm phục vụ QLNN và kiểm nghiệm kiểm chứng (Điều 38)**
- Cấp mã số CSKN (Điều 39)
- Trách nhiệm của cơ quan chỉ định và CSKN thực phẩm phục vụ QLNN (Điều 40)
- Các trường hợp hết hiệu lực một phần hoặc toàn bộ quyết định chỉ định (Điều 41)

Cắt giảm thủ tục hành chính:

Bỏ quy định và thủ tục hành chính Miễn kiểm tra, giám sát do theo TTLT 20 vừa có hình thức kiểm tra, giám sát định kỳ vừa có hình thức kiểm tra đột xuất theo yêu cầu quản lý nên không cần thiết phải quy định kiểm tra, giám sát định kỳ

Cải cách thủ tục hành chính

- **Bãi bỏ hồ sơ đăng ký:**
 - + Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- **Bãi bỏ hồ sơ năng lực:**
 - + Danh sách, hồ sơ trang thiết bị chính, cơ sở hạ tầng;
 - + Danh sách, hồ sơ kiểm nghiệm viên tương ứng với lĩnh vực đăng ký chỉ định kèm theo bản sao có chứng thực các chứng chỉ chuyên môn;
 - + Kết quả hoạt động kiểm nghiệm đối với lĩnh vực đăng ký chỉ định trong 12 tháng gần nhất theo mẫu

Phân cấp chỉ định cơ sở kiểm nghiệm TP phục vụ QLNN cho UBND cấp tỉnh:

Thay đổi quy định cách ghi mã số CSKN theo UBND tỉnh

(số thứ tự)/(Ký hiệu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)-KNTP-ký hiệu phân loại theo lĩnh vực quản lý (nếu có)

KIỂM TRA TRONG QUÁ TRÌNH LƯU THÔNG

NĐ 15/2018/NĐ-CP

NĐ 46/2026/NĐ-CP

Chưa quy định

Kiểm tra theo kế hoạch (K1, Điều 30)

Hàng năm, cơ quan có thẩm quyền **căn cứ vào mức độ nguy cơ, lịch sử tuân thủ quy định về an toàn thực phẩm** của các cơ sở sản xuất, kinh doanh để xây dựng, ban hành kế hoạch về nội dung và tần suất kiểm tra trong quá trình lưu thông trên thị trường, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.

Kiểm tra đột xuất (K2, Điều 30)

Tăng cường vai trò của các Bộ (Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương) và UBND các tỉnh, thành phố trong việc hậu kiểm

Nội dung kiểm tra (K3, Điều 30)

- a) Kiểm tra **sự phù hợp của sản phẩm** so với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng, nhãn hàng hóa và tài liệu kèm theo;
- b) Kiểm tra **truy xuất nguồn gốc sản phẩm** theo quy định;
- c) Kiểm tra các nội dung khác liên quan đến **chất lượng, an toàn sản phẩm**;
- d) Trong quá trình kiểm tra, trường hợp sản phẩm có dấu hiệu không bảo đảm chất lượng, an toàn thì **lấy mẫu theo quy định**;
- đ) Đối với sản phẩm thực phẩm kinh doanh trong hoạt động thương mại điện tử, ngoài kiểm tra theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này, tiến hành **so sánh tính thống nhất của các thông tin trên các trang thông tin điện tử được công bố theo quy định pháp luật về thương mại điện tử trên các nền tảng số TMĐT với thực tế của sản phẩm** được kiểm tra

QUẢNG CÁO THỰC PHẨM

NĐ 15/2018/NĐ-CP

Các thực phẩm phải đăng ký nội dung trước khi quảng cáo

- 1. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt.
- 2. Sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi không thuộc trường hợp cấm quảng cáo quy định tại Điều 7 của Luật quảng cáo.

Nội dung quảng cáo:

Nội dung quảng cáo phải phù hợp với công dụng, **tác dụng** của sản phẩm đã được công bố trong bản công bố sản phẩm. Không sử dụng hình ảnh, thiết bị, trang phục, tên, thư tín của các đơn vị, cơ sở y tế, bác sỹ, dược sỹ, nhân viên y tế, ~~thư cảm ơn của người bệnh~~, bài viết của bác sỹ, dược sỹ, nhân viên y tế để quảng cáo thực phẩm.

Yêu cầu phương tiện quảng cáo

NĐ 46/2026/NĐ-CP & NQ 66.13/2026/NQ-CP

Các TP phải đăng ký nội dung trước khi QC (Điều 33 NĐ)

- 1. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, **thực phẩm bổ sung** (trừ thực phẩm bổ sung chỉ chứa vitamin, khoáng chất và không có công bố khuyến cáo về sức khỏe - Health claims).
- 2. Sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi (**trừ sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ dùng cho trẻ dưới 24 tháng tuổi, sản phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng cho trẻ dưới 06 tháng tuổi quy định tại Điều 7 Luật Quảng cáo**).

Nội dung quảng cáo (K3, Điều 14 NQ):

Nội dung quảng cáo phải phù hợp với công dụng, **cảnh báo, khuyến cáo** của sản phẩm đã được công bố trong bản công bố sản phẩm. Không sử dụng hình ảnh, thiết bị, trang phục, tên, danh nghĩa của các đơn vị, cơ sở y tế, bác sỹ, dược sỹ, nhân viên y tế, **ý kiến của người bệnh, lời nói**, bài viết của bác sỹ, dược sỹ, nhân viên y tế để quảng cáo thực phẩm. **Nghiêm cấm quảng cáo thực phẩm gây hiểu lầm, phóng đại công dụng** các thực phẩm như thuốc chữa bệnh hoặc điều trị bệnh. Người chuyển tải sản phẩm quảng cáo là **người có ảnh hưởng phải công khai rõ ràng mối quan hệ tài trợ khi quảng cáo**.

Cải cách thủ tục hành chính: **Bỏ yêu cầu phương tiện quảng cáo**, khi thay đổi phương tiện không phải sửa đổi bổ sung (Mẫu số 10 phụ lục NĐ)

QUẢNG CÁO THỰC PHẨM

NĐ 15/2018/NĐ-CP

Thủ tục cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo:

Tổ chức, cá nhân có sản phẩm quảng cáo gửi hồ sơ đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo đến cơ quan cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm

Thời hạn cấp giấy xác nhận nội dung QC:

Xem xét hồ sơ và trả kết quả: 10 ngày

Sửa đổi, bổ sung hồ sơ: 90 ngày (chỉ 01 lần)

Thẩm định hồ sơ sửa đổi, bổ sung: 10 ngày

Chưa quy định

Chưa quy định

NĐ 46/2026/NĐ-CP

Thủ tục cấp giấy xác nhận nội dung QC (Đ.a, K5, Điều 34):

Gửi hồ sơ trực tuyến **qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh** hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

Thời hạn cấp giấy xác nhận nội dung QC (Đ.b, K5, Điều 34):

Xem xét hồ sơ và trả kết quả: 10 ngày

Sửa đổi, bổ sung hồ sơ: **60 ngày (chỉ 02 lần)**

Thẩm định hồ sơ sửa đổi, bổ sung: 10 ngày

Khi thực hiện kinh doanh **các sản phẩm thực phẩm thuộc nhóm phải đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo trên nền tảng thương mại điện tử, trang thông tin điện tử, mạng xã hội, ứng dụng trực tuyến, nền tảng số có kết nối Internet tại Việt Nam**, tổ chức, cá nhân phải công khai giấy xác nhận nội dung quảng cáo kèm nội dung quảng cáo đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận. (K6, Điều 34)

Các trường hợp không được thực hiện quảng cáo (K7, Điều 34):

a) Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm bị thu hồi;

b) Trong thời hạn sản phẩm bị đình chỉ lưu hành theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

NĐ 15/2018/NĐ-CP

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm phải lưu trữ các thông tin liên quan đến nhà sản xuất, cung cấp sản phẩm và khách hàng trong trường hợp khách hàng đã mua sản phẩm đó thông qua hợp đồng, sổ sách ghi chép hoặc các phương thức khác để phục vụ việc truy xuất nguồn gốc. Các thông tin phục vụ truy xuất nguồn gốc bao gồm:

- a) Tên, chủng loại sản phẩm đã mua, đã bán;
- b) Ngày, tháng, năm, số lượng, khối lượng, số lô, số mẻ của sản phẩm (nếu có) đã mua, bán.

NĐ 46/2026/NĐ-CP

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm phải thường xuyên **thiết lập**, lưu trữ đầy đủ các thông tin liên quan đến **sản phẩm, nguyên liệu, bán thành phẩm**, cơ sở sản xuất, cơ sở cung cấp nguyên liệu đầu vào, cơ sở cung cấp, **phân phối, kinh doanh** sản phẩm và khách hàng trong trường hợp khách hàng đã mua sản phẩm đó thông qua hợp đồng, sổ sách ghi chép hoặc các phương thức khác **trong suốt quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh** để phục vụ việc truy xuất nguồn gốc, được lưu trữ dưới dạng cơ sở dữ liệu và kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (K1, Điều 43)

Các thông tin phục vụ truy xuất nguồn gốc bao gồm:

- a) **Thông tin về hoạt động sản xuất, kinh doanh** của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm;
- b) **Thông tin về sản phẩm bao gồm tên, hình ảnh, thương hiệu, nhãn hiệu, mã ký hiệu, số sê-ri sản phẩm, chủng loại, số lượng, khối lượng, số lô, số mẻ của sản phẩm, thời hạn sử dụng, bao bì, phụ gia, các tiêu chuẩn, quy chuẩn được áp dụng, thông tin về nguyên liệu, bán thành phẩm, chứng nhận kiểm nghiệm, thời gian, địa điểm sản xuất, kinh doanh sản phẩm và các thông tin liên quan khác;**
- c) **Thông tin về tổ chức, cá nhân cung cấp, phân phối, kinh doanh sản phẩm và khách hàng** (nếu có).



THAY ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM QLNN VỀ ATTP

BỘ Y TẾ

NĐ 15/2018/NĐ-CP

Quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh và cơ sở sản xuất, kinh doanh đối với sản phẩm thực phẩm quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này

Tổ chức tiếp nhận và quản lý hồ sơ, cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực đối với: thực phẩm bảo vệ sức khỏe, ~~phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới, phụ gia thực phẩm không thuộc danh mục các chất phụ gia được phép sử dụng hoặc không đúng đối tượng sử dụng trong thực phẩm do Bộ Y tế quy định~~; Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu Thực hành sản xuất tốt (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe; Giấy Xác nhận nội dung quảng cáo đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe; ~~Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý, Giấy chứng nhận y tế.~~

NĐ 46/2026/NĐ-CP

Quản lý và phân cấp quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh và cơ sở sản xuất, kinh doanh đối với sản phẩm thực phẩm quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Tổ chức tiếp nhận và quản lý hồ sơ, cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu Thực hành sản xuất tốt (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe; Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

BỘ Y TẾ

NĐ 15/2018/NĐ-CP

NĐ 46/2026/NĐ-CP

Chưa quy định

Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm trong quá trình **sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.**

Chưa quy định

Kiểm tra, giám sát, xử lý các hành vi vi phạm về quảng cáo đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

Chưa quy định

Hàng năm xây dựng và triển khai **kế hoạch hậu kiểm định kỳ; kiểm tra đột xuất** khi có yêu cầu đối với lĩnh vực được phân công quản lý.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

NĐ 15/2018/NĐ-CP

~~Quản lý và phân cấp quản lý~~ an toàn thực phẩm đối với sản xuất ban đầu nông, lâm, thủy sản, muối bao gồm: Quá trình trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác nông, lâm, thủy sản; sản xuất muối.

~~– Tổ chức cấp, phân cấp việc cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm~~
~~Quản lý an toàn thực phẩm đối với các chợ đầu mối, đấu giá nông sản.~~
~~– Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước, cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng;~~
~~Chỉ định cơ quan kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu đối với các sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý~~

NĐ 46/2026/NĐ-CP

Quản lý và kiểm tra việc thực hiện phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trong suốt quá trình từ sản xuất ban đầu (trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác), **thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh** đối với ngũ cốc, thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản và sản phẩm thủy sản, rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả, trứng và các sản phẩm từ trứng, sữa tươi nguyên liệu, mật ong và các sản phẩm từ mật ong, thực phẩm biến đổi gen, muối và các sản phẩm, nhóm sản phẩm quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

Tăng cường phân cấp, phân quyền

Ban hành Danh mục cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng thuộc phạm vi được phân công quản lý.

Tổ chức cấp, phân cấp việc cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

BỘ CÔNG THƯƠNG

NĐ 15/2018/NĐ-CP

Quản lý an toàn thực phẩm đối với siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích, các cơ sở thuộc hệ thống dự trữ, phân phối và các loại hình kinh doanh khác

- ~~Tổ chức cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với các sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý~~
- ~~Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước, cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng; kết luận cuối cùng khi có sự khác biệt về kết quả kiểm nghiệm giữa các cơ sở kiểm nghiệm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.~~
- ~~Chỉ định cơ quan kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu đối với các sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.~~

NĐ 46/2026/NĐ-CP

Quản lý an toàn thực phẩm đối với siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích, các cơ sở thuộc hệ thống dự trữ, phân phối và các loại hình kinh doanh khác. Kiểm tra rà soát, giám sát **hoạt động kinh doanh thực phẩm trên nền tảng thương mại điện tử**, kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm, gỡ bỏ nội dung vi phạm theo quy định

Bãi bỏ, tăng cường phân cấp phân quyền

BỘ CÔNG THƯƠNG

NĐ 15/2018/NĐ-CP

Chưa quy định

NĐ 46/2026/NĐ-CP

Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

Kiểm tra xử lý vi phạm trong việc sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng cấm, hàng nhập lậu, gian lận thương mại và thực phẩm trên nền tảng thương mại điện tử.

Chưa quy định

Hàng năm xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra định kỳ; kiểm tra đột xuất khi có yêu cầu đối với lĩnh vực được phân công quản lý

BỘ NGÀNH KHÁC

NĐ 15/2018/NĐ-CP

NĐ 46/2026/NĐ-CP

Chưa quy định

Bộ Tài chính

Cung cấp thông tin phục vụ quản lý an toàn thực phẩm cho Bộ Y tế, Bộ NN&MT, Bộ Công Thương và UBND cấp tỉnh, bao gồm: Doanh nghiệp có doanh thu biến động bất thường; Thay đổi địa điểm, ngừng/tạm ngừng, hoặc giải thể doanh nghiệp; Thông tin về lô hàng nhập khẩu được miễn kiểm tra ATTP khi có yêu cầu; Thông tin về số lượng, giá trị lô hàng xuất khẩu – nhập khẩu (định kỳ hoặc đột xuất); Thông tin về lô hàng xuất nhập khẩu có dấu hiệu vi phạm ATTP phát hiện trong quá trình kiểm tra hải quan.

Chưa quy định

Bộ Khoa học và Công nghệ

Xây dựng và bảo đảm nền tảng kỹ thuật ATTP, cụ thể: Hằng năm ban hành kế hoạch xây dựng Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về thực phẩm, theo đề xuất của các Bộ quản lý chuyên ngành; Kiểm tra, giám sát các tổ chức công nhận phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025

Chưa quy định

Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Quản lý hoạt động quảng cáo thực phẩm, gồm: Phối hợp kiểm tra, xử lý vi phạm quảng cáo thực phẩm trên các phương tiện quảng cáo; Ngăn chặn, gỡ bỏ quảng cáo vi phạm pháp luật theo đúng quy trình pháp luật về quảng cáo.

UBND CẤP TỈNH

NĐ 15/2018/NĐ-CP	NĐ 46/2026/NĐ-CP & NQ 66.13/2026/NQ-CP
Tổ chức tuyên truyền, vận động việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm ATTP trên địa bàn	Tổ chức tuyên truyền, vận động việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn; khuyến khích sự tham gia đánh giá của các hiệp hội ngành, nghề, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức, cá nhân và người dân, phản ánh kịp thời các vi phạm liên quan đến an toàn thực phẩm trên địa bàn
Chưa quy định	Bổ sung và phân cấp Quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm Tổ chức tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng theo phân công, phân cấp và <u>xây dựng, triển khai kế hoạch hậu kiểm</u> hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng Tổ chức tiếp nhận và quản lý hồ sơ, cấp, thu hồi Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm, Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm thực phẩm bổ sung Ra quyết định thành lập, xây dựng nguyên tắc tổ chức, cơ chế hoạt động của tiểu ban chuyên môn để thẩm định và cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm và Hội đồng cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm (trong trường hợp cần thiết) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy; Giấy chứng nhận lưu hành tự do, Giấy chứng nhận y tế và giấy chứng nhận khác có liên quan đối với thực phẩm xuất khẩu theo đề nghị của tổ chức, cá nhân theo phân công, phân cấp Cấp, đình chỉ, phục hồi, thu hồi, dừng hiệu lực một phần hoặc toàn bộ Quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về chất lượng, an toàn thực phẩm; giao nhiệm vụ, đình chỉ, thu hồi quyết định giao nhiệm vụ cơ quan kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu



LỘ TRÌNH THỰC HIỆN



Đối với sản phẩm đã tự công bố trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hoàn thành việc công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định tại Nghị quyết này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Hết thời hạn trên thì hồ sơ tự công bố hoặc hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm không còn giá trị để sản xuất hoặc nhập khẩu và sản phẩm đã có Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm, sản phẩm đã sản xuất trong vòng 24 tháng sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, sản phẩm tự công bố sản xuất trong vòng 12 tháng sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành được tiếp tục lưu thông đến hết thời hạn sử dụng của sản phẩm và chủ sở hữu sản phẩm phải chịu trách nhiệm đối với sản phẩm đó.

Đối với sản phẩm đã tự công bố trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, tổ chức, cá nhân được tiếp tục sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu sản phẩm cho đến khi hoàn thành việc đăng ký bản công bố hợp quy. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hoàn thành việc đăng ký bản công bố hợp quy theo quy định tại Nghị định này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Đối với hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm đã nộp trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành hoặc sản phẩm thực phẩm đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc thực phẩm bổ sung chuyển từ tự công bố sang đăng ký bản công bố sản phẩm:

- a) Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm theo quy định tại Nghị quyết này trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành;
- b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ theo quy định tại Điều 10 Nghị quyết này.

Đối với hồ sơ đăng ký chỉ định, hồ sơ đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định, hồ sơ đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước đã nộp trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ; trừ trường hợp tổ chức, cá nhân tự nguyện thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, thực phẩm bổ sung, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi phải áp dụng Giấy chứng nhận Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP) hoặc Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000 hoặc Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS) hoặc Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC) hoặc Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc chứng nhận tương đương hoặc Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu Thực hành sản xuất tốt (GMP) trong hoạt động sản xuất, kinh doanh kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước, Quyết định ban hành Danh mục cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng đủ điều kiện hoạt động ban hành trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành sẽ có hiệu lực đến hết thời hạn ghi trên Quyết định.

Quyết định giao hoặc chỉ định cơ quan kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu của bộ quản lý ngành đã ban hành trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành sẽ có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2026.

Đối với cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực và không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm sẽ phải có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, trừ cơ sở sản xuất đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu Thực hành sản xuất tốt (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe còn hiệu lực.



Xin cảm ơn!

Happy New Year

